

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THỊ THUỶ TRANG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. ĐÀO HỮU HÒA**

Phản biện 1: **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 2: **TS. HỒ ĐÌNH BẢO**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 7 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cho đến cuối thế kỷ 20, trang trại gia đình là mô hình sản xuất phổ biến trong nền nông nghiệp thế giới. Trang trại là loại hình cơ sở sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình nông dân, được hình thành và phát triển trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Kinh tế trang trại gia đình tiếp tục phát triển từ những nước tư bản công nghiệp lâu đời đến các nước phát triển, các nước công nghiệp mới đi vào các nước xã hội chủ nghĩa với cơ cấu và qui mô sản xuất khác nhau. Ngày nay, loại hình trang trại đã khẳng định là loại hình có qui mô hiệu quả nhất trong sản xuất nông nghiệp thay thế dạng nông hộ phát tán và xí nghiệp tư bản qui mô lớn.

Tỉnh Trà Vinh, là khu vực có vị trí địa lý và tiềm năng đất đai, lao động khá thuận lợi để phát triển KTTT. Nhờ chính sách ưu đãi phát triển trang trại mà Trà Vinh có lúc đã dẫn đầu khu vực ĐBSCL về mô hình phát triển kinh tế này. Tuy nhiên, do phát triển ồ ạt, chạy theo phong trào, nên từ sau năm 2003 trở đi, phong trào phát triển KTTT trên địa bàn Tỉnh bắt đầu đi xuống do tình trạng làm ăn thua lỗ. Có thể thấy rằng, việc phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thời gian chưa thật thành công, không ổn định và thiếu bền vững. Đứng trước xu thế phát triển của đất nước, đứng trước những thời cơ và thách thức đang đến đối với nền nông nghiệp Việt Nam, việc phải đẩy nhanh phát triển KTTT là một hướng đi đúng, cần phải được ưu tiên. Vì vậy, việc phải đi sâu phân tích để làm rõ nguyên nhân thất bại của phong trào phát triển KTTT thời gian qua và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm đổi mới cách tiếp cận phát triển KTTT ở Trà Vinh trong tương lai là điều cần thiết và cấp bách. Nhận thức được tính cấp thiết đó, tác giả đã quyết định chọn vấn đề: “Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” làm đề tài cho đề tài luận văn tốt nghiệp cao học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến Kinh tế trang trại

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong những năm qua.

- Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong thời gian đến.

3. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Các nghiên cứu, khảo sát tập trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

- Về thời gian: Các số liệu quá khứ chủ yếu trong giai đoạn 2009 - 2013 và giải pháp được đặt ra cho giai đoạn 2015 – 2020.

- Về nội dung: luận văn hướng vào nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế trang trại về kết quả, hiệu quả sản xuất, những thuận lợi, khó khăn từ đó đề ra các giải pháp phát triển trong thời gian tới.

4. Phương pháp nghiên cứu: Bao gồm phương pháp phân tích thống kê, phương pháp nhân quả và phương pháp thu thập số liệu.

5. Bố cục đề tài: Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục: Luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế trang trại

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Chương 3: Giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

7. Đóng góp của luận văn

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1. TỔNG QUAN VỀ TRANG TRẠI VÀ KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1.1. Khái niệm trang trại và kinh tế trang trại

a. Khái niệm trang trại: Trang trại là khái niệm dùng để chỉ một loại hình đơn vị sản xuất nông nghiệp có quy mô tương đối lớn, được hình thành từ các hộ tiểu nông sau khi phá bỏ vỏ bọc tự cấp tự túc khép kín, vươn lên sản xuất hàng hoá. Trang trại chỉ là một trong những hình thức tổ chức sản xuất cụ thể trong nông nghiệp.

b. Khái niệm kinh tế trang trại: Kinh tế trang trại là tổng thể các yếu tố sản xuất kinh doanh và các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình hoạt động của trang trại.

1.1.2. Đặc điểm và tiêu chí xác định của trang trại

a. Đặc điểm của trang trại

- Sản xuất nông nghiệp mang tính hàng hóa: Dấu hiệu đầu tiên cần có để nhận diện trang trại là hoạt động chính của nó phải là nông nghiệp.

- Trình độ chuyên môn hóa, tập trung hóa cao hơn hộ gia đình. Hiện nay, trong sản xuất nông nghiệp chia ra làm 3 cấp độ: các xí nghiệp, lâm trường, nông trường sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa, tập trung hóa cao nhất.

- Trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật cao hơn và có mối quan hệ chặt chẽ với thị trường.

- Chủ trang trại là nhà kinh doanh. Hiện nay, một số trang trại quy mô tương đối lớn đã thuê lao động thường xuyên. Chủ trang trại

là người quản lý tổ chức, biết hạch toán lãi, lỗ, có khao khát và tham vọng làm giàu. Họ là nhà kinh doanh.

b. Tiêu chí xác định kinh tế trang trại: Theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN ngày 14/03/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, một hộ sản xuất nông nghiệp được xác định là trang trại phải đạt một trong hai tiêu chí về sản lượng hàng hóa, dịch vụ bình quân 1 năm, hoặc về quy mô sản xuất của trang trại được quy định theo Thông tư Liên tịch số 69/2000/TTLT/BNN-TCTK.

1.1.3. Khái niệm phát triển Kinh tế trang trại

a. Tăng trưởng và phát triển

Tăng trưởng kinh tế là một phạm trù diễn tả động thái biến đổi về mặt lượng của chủ thể kinh tế.

Phát triển kinh tế ngoài việc bao hàm quá trình gia tăng về mặt lượng, phát triển còn phản ánh những biến đổi về mặt chất của nền kinh tế.

b. Phát triển Kinh tế trang trại

Phát triển KTTT được hiểu là việc gia tăng quy mô đóng góp về giá trị sản lượng và sản lượng hàng hoá nông sản của các trang trại cho nền kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các trang trại theo hướng hiện đại; tăng cường chất lượng hoạt động của trang trại.

1.1.4. Vai trò của kinh tế trang trại

a. Về kinh tế: Các trang trại góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao, khắc phục dần tình trạng phân tán, tạo nên những vùng chuyên môn hóa cao. Phát triển kinh tế trang trại góp phần tích cực vào thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế nông nghiệp ở nông thôn.

b. Về xã hội: Phát triển KTTT sẽ là cơ hội để cải thiện và nâng cao mức sống cho dân nghèo. Việc phát triển KTTT còn tạo

điều kiện để thu hút thêm lao động, tạo thêm việc làm mới, làm tăng thu nhập cho người dân... KTTT có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội và đổi mới bộ mặt xã hội nông thôn.

c. Về môi trường: Do sản xuất kinh doanh tự chủ và vì lợi ích thiết thực, lâu dài của mình mà các chủ trang trại luôn ý thức khai thác hợp lý và quan tâm bảo vệ các yếu tố môi trường. Mặt khác, trang trại góp phần khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên đất, nước, rừng có hiệu quả. Trang trại góp phần tăng nhanh diện tích rừng bao phủ, tận dụng mặt nước nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường.

1.2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.2.1. Phát triển về mặt số lượng: Chi tiêu đánh giá trình độ phát triển về mặt số lượng bao gồm:

- Số lượng các trang trại gia tăng hằng năm/hoặc tốc độ tăng số lượng các trang trại trong năm
- Giá trị sản lượng hàng hoá nông sản (hoặc thu nhập) do các trang trại tạo ra trong năm.
- Tổng sản lượng nông sản hàng hóa của tất cả các trang trại trong một địa phương, vùng hoặc cả nước tạo ra trong 01 năm
- Quy mô sử dụng các nguồn lực sản xuất
- Tốc độ tăng sản lượng hàng hoá của các trang trại.

1.2.2. Phát triển về mặt chất lượng: Sự phát triển về mặt chất lượng của KTTT được thể hiện qua các chỉ tiêu sau đây:

- Tỷ lệ đóng góp của kinh tế trang trại
- Tỷ lệ sử dụng các nguồn lực sản xuất
- Chất lượng các nguồn lực sử dụng trong trang trại
- Hiệu quả sử dụng các nguồn lực vào sản xuất

1.2.3. Phát triển về mặt cơ cấu: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất của các trang trại từ quảng canh sang thâm canh; từ trồng trọt sang

chăn nuôi, nuôi thủy sản... Cơ cấu trang trại thể hiện mối quan hệ giữa số lượng trang trại của từng loại hình so với tổng thể. Trong nghiên cứu, người ta thường quan tâm đến cơ cấu theo loại hình quy mô (diện tích, lao động, vốn đầu tư)

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.3.1. Điều kiện tự nhiên: Trước hết, đất đai là yếu tố cần thiết không thể thiếu trong sản xuất nông nghiệp nói chung và kinh tế trang trại nói riêng. Mặt khác, vị trí địa lý, địa hình cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sự hình thành và phát triển của các trang trại. Đặc biệt, khí hậu và thời tiết như: nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm không khí, thời gian chiếu sáng, cường độ chiếu sáng, chế độ gió, nắng, sương muối... đều tác động mạnh mẽ tới sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi và ảnh hưởng tới phương thức hoạt động và quy mô sản xuất kinh doanh của các trang trại.

1.3.2. Sự phát triển của thị trường nông nghiệp: Kinh tế trang trại là kinh tế hàng hoá, vì vậy điều kiện đầu tiên để nó phát triển là phải có thị trường nông nghiệp. Để KTTT phát triển, trước hết các yếu tố đầu vào cho sản xuất như: đất đai, tiền vốn, vật tư, lao động, kỹ thuật công nghệ... phải là hàng hoá và được lưu thông tự do trên thị trường. Với mục đích làm ra sản phẩm để bán, do đó muốn kinh tế trang trại phát triển cũng cần phải có thị trường nông sản.

1.3.3. Sự hỗ trợ của nhà nước

- Định hướng cho sự hình thành và phát triển kinh tế trang trại thông qua quy hoạch phát triển và vận hành các chính sách kinh tế, xã hội theo hướng khuyến khích kinh tế trang trại.

- Khuyến khích sự hình thành và phát triển KTTT qua biện pháp đòn bẩy kinh tế nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển KTTT.

- Hỗ trợ nguồn lực cho sự hình thành và phát triển của kinh tế trang trại như hỗ trợ kinh phí và đào tạo chủ trang trại, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật...

- Để phát triển kinh tế trang trại thuận lợi cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước. Nhà nước có chính sách ưu đãi để thu hút nguồn vốn đầu tư từ các ngành, các khu vực khác vào phát triển Nông nghiệp cũng tạo điều kiện để kinh tế trang trại phát triển.

1.3.4. Cơ sở hạ tầng trong nông nghiệp: Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, trong đó đặc biệt là hệ thống giao thông, thủy lợi, cung cấp điện, thông tin liên lạc... là nhân tố trực tiếp làm thay đổi trạng thái của sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông sản.

1.3.5. Sự hỗ trợ từ khu vực công nghiệp: Chính sự hỗ trợ công nghiệp tạo tiền đề cho các chủ trang trại mạnh dạn trong đầu tư và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm đầu ra ở thị trường.

Sự phát triển của công nghiệp chế biến, xây dựng cơ sở chế biến., các nhà máy để xây dựng vùng nguyên liệu, sau khi nhà máy xây dựng xong có nguyên liệu để hoạt động.

Hình thành vùng chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp

1.3.6. Có sự phát triển nhất định của các hình thức liên kết kinh tế trong nông nghiệp

Để phát triển các hình thức liên kết kinh tế trong nông nghiệp. Một mặt, phải tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các chủ thể kinh doanh nông nghiệp dưới các hình thức khác. Mặt khác, phải tạo lập môi trường thuận lợi cho các chủ thể kinh doanh liên kết với nhau trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH THỜI GIAN QUA

2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỈNH TRÀ VINH

2.1.1. Điều kiện tự nhiên: Tỉnh Trà Vinh nằm ở phía Đông Nam đồng bằng sông Cửu Long, giữa 2 con sông lớn là sông Cổ Chiên và sông Hậu. Phía Bắc Trà Vinh là tỉnh Bến Tre được ngăn cách bởi sông Cổ Chiên, phía Tây Nam giáp với tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ qua ranh giới sông Hậu, phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long, phía Đông là biển Đông. Trà Vinh nối với thị xã Vĩnh Long bằng quốc lộ 53, tuyến thông thương đường bộ duy nhất nối Trà Vinh với các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội: Tỉnh Trà Vinh có 1.015.3 nghìn người, mật độ dân số 434 người/km², số người trong độ tuổi lao động toàn tỉnh là 592.880 người chiếm 58.39% dân số toàn tỉnh. Trên địa bàn tỉnh có 3 dân tộc chính, trong đó đông nhất là dân tộc kinh 685.003 người chiếm 67.47%, dân tộc Khmer có 321.176 người chiếm 30.63%, dân tộc Hoa có 9.121 người chiếm 1.9%.

2.1.3. Quy mô phát triển của nền kinh tế

Tình hình tăng trưởng kinh tế của Trà Vinh trong 5 năm qua luôn tăng trưởng liên tục, tuy tốc độ tăng trưởng của mỗi năm có sự biến động tăng, giảm khác nhau nhưng tốc độ tăng trưởng luôn duy trì ở mức tăng trưởng khá trên 8,5%/năm. Nông nghiệp là ngành tăng trưởng khá ổn định trong thời kỳ 2009 -2013, tuy tốc độ tăng trưởng thấp nhất so với các ngành nhưng ngành này là ngành chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu các ngành.

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT TỈNH TRÀ VINH

2.2.1. Về số lượng: Phong trào kinh tế trang trại hình thành và phát triển khá mạnh ở tỉnh Trà Vinh trong khoảng thời gian gần đây, đặc biệt là giai đoạn 2009-2010. Số lượng trang trại đã tăng lên đến 1820 trang trại. Năm 2011, Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành tiêu chí theo thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ban hành, giai đoạn 2011-2013 thì số lượng trang trại đạt tiêu chí là 19 trang trại năm 2011 đến năm 2013 là 70 trang trại.

**Bảng 2.1. Số lượng trang trại của tỉnh Trà Vinh
từ năm 2009-2013**

STT	Đơn vị	2009	2010	2011	2012	2013
1	TP Trà Vinh	6	5	0	0	0
2	H. Càng Long	16	5	0	1	2
3	H. Cầu Kè	95	8	8 (1)	12	13
4	H. Tiểu Cần	144	164	137	0	0
5	H. Châu Thành	54	55	23 (1)	3	5
6	H. Cầu Ngang	93	84	74 (10)	11	12
7	H. Trà Cú	294	322	289	0	1
8	H. Duyên Hải	1.105	1.177	1.237 (7)	36	37
	Toàn tỉnh	1.807	1.820	1.768 (19)	63	70

(Nguồn: Niên giám Thống kê Tỉnh Trà Vinh năm 2007-2011, 2012)

b. Quy mô sản xuất của các trang trại

Qua bảng 2.2 cho thấy, thời gian gần đây giá trị hàng hóa nông sản của các trang trại có sự biến động lớn và đang có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2009-2011. Tuy nhiên, kể từ khi tiêu chí mới ban hành thì giá trị hàng hóa nông sản của các trang trại cũng tăng lên, trong đó trang trại chăn nuôi tăng mạnh nhất.

**Bảng 2.2. Giá trị hàng hóa nông sản của trang trại
năm 2009-2013**

DVT: triệu đồng

Năm	Trồng trọt	Chăn nuôi	Nuôi thủy sản
Năm 2009	52.926	57.996	122.942
Năm 2010	36.257	56.785	113.185
Năm 2011	832	3.802	44.077
Năm 2012	17.195	20.513	86.128
Năm 2013	11.933	36.189	81.425

(Nguồn: niên giám thống kê và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

**Bảng 2.3. Tốc độ tăng giá trị sản lượng hàng hóa
của trang trại năm 2009 - 2013**

DVT: %

Năm	2009	2010	2011	2012	2013
Tốc độ tăng chung	4,09	5,02	4,82	4,71	5,61
Trồng trọt	5,00	7,37	7,73	2,93	3,81
Chăn nuôi	7,00	9,59	1,02	8,54	5,46
NT thủy sản	2,47	2,14	6,11	3,21	6,16

(Nguồn: niên giám thống kê và tính toán)

Từ bảng 2.3 cho ta thấy tốc độ tăng trưởng chung của kinh tế trang trại tăng dần từ 4,09% năm 2009 đến 5,61% năm 2013, tăng thêm 1.52%. Nhưng nhìn chung tốc độ tăng trưởng của các trang trại đã có sự cải thiện nhưng mức cải thiện không đáng kể.

c. Về quy mô đất đai của trang trại: Các số liệu ở bảng 2.4 cho thấy, bình quân 10% số trang trại có diện tích dưới 0.1 ha, chủ

yếu là các trang trại chăn nuôi do không cần sử dụng nhiều diện tích, Đối với trang trại trồng trọt và trang trại nuôi thủy sản, quy mô diện tích tập trung trong khoảng 3 ha-10 ha chiếm 90% số trang trại). Cho đến năm 2013, các trang trại ở Trà Vinh mới sử dụng 353,37 ha đất nông nghiệp, chiếm tỷ lệ 0.19% tổng diện tích đất nông nghiệp tại địa phương số liệu trên cũng cho chúng ta thấy sự kém phát triển của KTTT của tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua.

Bảng 2.4. Bảng quy mô sử dụng đất bình quân của các trang trại năm 2009 - 2013

DVT: ha

Năm	Trồng trọt	Chăn nuôi	Nuôi thủy sản
2009	1.279,06	274,2	4.186,05
2010	797,0	287,0	4.312,0
2011	10,0	-	87,0
2012	45,71	8,81	305,7
2013	61,17	7,8	284,4

(*Nguồn: Niên giám thống kê, kết quả điều tra NN,NT, TS năm 2011*)

Bảng 2.5. Quy mô sử dụng ruộng đất của các trang trại

Năm	Đất nông nghiệp		
	Toàn ngành	Riêng trang trại	% trang trại/ toàn ngành
2009	185.174,24	5.739,31	3.09 %
2010	185.286,84	5.396	2.91 %
2011	185.165,06	97	0.52 %
2012	184.956,44	360,22	0.19 %
2013	185.015,07	353,37	0.19 %

(*Nguồn: niên giám thống kê và tác giả tự tính toán*)

d. Quy mô lao động: Theo kết quả điều tra, khảo sát của sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh về tình hình lao động của các trang trại cho thấy quy mô lao động phụ thuộc chủ yếu vào loại hình sản xuất, tư liệu phục vụ sản xuất và quy mô của từng trang trại, năm 2013 sử dụng lao động thường xuyên tham gia sản xuất là 575 người, bình quân mỗi trang trại sử dụng 8.5 người/trang trại.

Bảng 2.6: Tình hình sử dụng lao động của mỗi trang trại

DVT: Lao động

Chỉ tiêu	Trồng trọt	Chăn nuôi	Nuôi thủy sản	BQLĐ/TT
Năm 2009	4.026	520	8.065	7.0
Năm 2010	2.607	1.051	5.908	5.3
Năm 2011	5	9	111	6.6
Năm 2012	42	61	352	7.2
Năm 2013	45	147	383	8.5

(Nguồn: Niên giám thống kê, báo cáo kết quả NT, NN TS năm 2011

Bảng 2.8. Quy mô lao động của trang trại so với toàn ngành

Năm	Lao động		
	Toàn ngành	Riêng trang trại	% trang trại/ toàn ngành
2009	330.993	12.611	3.81 %
2010	318.659	9.566	3.00 %
2011	315.994	125	0.04 %
2012	312.740	455	0.15 %
2013	313.681	575	0.18 %

(Nguồn: niên giám thống kê, tác giả tự tính toán)

e. Quy mô vốn đầu tư:

Năm 2013, vốn đầu tư sản xuất trang trại là 2.645.90 tỷ đồng, giảm 0.5 lần so với năm 2009. Hầu hết các trang trại đều giảm vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, trong đó giảm nhiều nhất là ở loại hình trang trại trồng trọt là giảm 0.58% giảm thấp nhất là loại hình trang trại chăn nuôi 0.47%, kể đến là loại hình nuôi thủy sản giảm 0.53%

**Bảng 2.9. Bảng tình hình vốn đầu tư
của trang trại giai đoạn 2009 - 2013**

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Trồng trọt	356.16	1.077,30	741,60	341.00	206,10
Chăn nuôi	1.540,20	2.495,75	943,74	1.233,84	724,80
Nuôi thủy sản	3.260,01	5.552,70	3.738,04	1.814,51	1.715
Tổng cộng	5.156,37	9.125,75	5.423,38	3.389,35	2.645,90

(Nguồn: niên giám thống kê 2007-2011, 2012)

**Bảng 2.10. Quy mô vốn của trang trại so với
toàn ngành năm 2009 – 2013**

Năm	Vốn đầu tư		
	Toàn ngành	Riêng trang trại	% trang trại/ toàn ngành
2009	19.509	5.156,37	26.43 %
2010	26.479	9.125,75	34.46 %
2011	12.932	5.423,38	41.94 %
2012	11.873	3.389,35	28.55 %
2013	12.480	2.645,9	21.20 %

(Nguồn: niên giám thống kê và tính toán)

2.2.2. Phát triển về mặt cơ cấu

a. Cơ cấu theo địa phương: Các số liệu ở bảng 2.11 cho thấy, xét về mặt cơ cấu thì khi tiêu chí mới được ban hành thì số lượng trang trại ngày càng giảm dần do điều kiện để được chứng nhận đạt tiêu chí kinh tế trang trại tại tỉnh Trà Vinh là rất ít nên đến cuối năm 2013 toàn tỉnh chỉ có 70 trang trại .

**Bảng 2.11. Cơ cấu trang trại theo địa phương
của tỉnh Trà Vinh năm 2009 - 2013**

DVT:%

TT	Đơn vị	2009	2010	2011	2012	2013
1	Tp. Trà Vinh	0.33	0.27	-	-	-
2	H.Càng Long	0.89	0.27	-	1.59	2.86
3	H.Cầu Kè	5.26	0.44	5.26	19.05	18.57
4	H.Tiểu Cần	7.97	9.01	-	-	-
5	H.Châu Thành	2.99	3.02	5.26	4.76	7.14
6	H.Cầu Ngang	5.15	4.62	52.63	17.46	17.14
7	H. Trà Cú	16.27	17.69	-	-	1.43
8	H.Duyên Hải	61.15	64.67	36.84	57.14	52.86
	Toàn tỉnh	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

(*Nguồn: Niên giám Thống kê Tỉnh Trà Vinh năm 2009 – 2012*)

b. Về loại hình sản xuất kinh doanh

Việc phát triển kinh tế trang trại của tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua là không ổn định về phương hướng kinh doanh.. Điều đáng quan tâm nhất là đó là sự giảm sút về mặt số lượng cũng như tỷ trọng của loại hình trang trại nuôi thủy sản chủ yếu việc nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Duyên Hải.

Bảng 2.12. Cơ cấu trang trại theo loại hình kinh doanh của tỉnh Trà Vinh trong giai đoạn 2009-2013

Loại hình \ Năm	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
	Tổng số	TT	1.807	1.820	1.786	63
	%	100	100	100	100	100
Trồng cây LN	TT	0	0	0	1	1
	%	0	0	0	1.59	1.43
Trồng cây HN	TT	299	303	302	6	5
	%	16.55	16.65	5.26	9.52	7.14
Chăn nuôi	TT	158	151	69	10	19
	%	8.74	8.30	10.53	15.87	27.14
Nuôi thủy sản	TT	1301	1265	1306	46	45
	%	72.00	69.51	84.21	73.02	64.29

(Nguồn: niên giám thống kê năm 2007-2011, 2012)

c. Cơ cấu theo quy mô nguồn lực

Bảng 2.13. cơ cấu trang trại phân theo quy mô diện tích đất

Chi tiêu	ĐVT	Chia theo quy mô diện tích đất					Tổng cộng
		<0.1ha	0.2-3ha	3-5ha	5-10ha	>10ha	
Trồng trọt	TT	/	/	/	1	/	
	%				100		100
Chăn nuôi	TT	2	/	/	/	/	
	%	100					100
Nuôi thủy sản	TT	/	/	8	7	1	
	%			50	43.75	6.25	100

(Nguồn: kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2011)

Các số liệu ở bảng 2.13 cho thấy, diện tích đất bình quân của các trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là không đồng đều, các trang trại chăn nuôi thường có diện tích nhỏ, trang trại có quy mô lớn nhất là trang trại nuôi thủy sản có diện tích trên 10 ha.

Bảng 2.14. Cơ cấu trang trại theo quy mô lao động năm 2013

Quy mô	Chia theo quy mô lao động %		
	Trồng trọt	Chăn nuôi	Nuôi thủy sản
2-3 người	50.00	42.11	11.11
4.5 người	33.33	26.32	17.78
6-9 người	16.67	31.58	37.78
10-20 người	-	-	33.33
Tổng cộng	100.00	100.00	100.00

(Nguồn: Kết quả tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn và tính toán)

2.2.3. Phát triển về mặt chất lượng

a. Chất lượng nguồn nhân lực: Nguồn gốc xuất thân của chủ trang trại phần lớn từ thành phần nông dân nên trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn còn hạn chế, nên khả năng ứng dụng các tiến bộ, khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh chưa đạt yêu cầu.

b. Trình độ tiếp cận thị trường

Về thị trường tiêu thụ sản phẩm của các trang trại thì sản phẩm tiêu thụ ở huyện chiếm khoảng 32%, trong tỉnh 25%, bán ra ngoài tỉnh là 43%

Hình thức tiêu thụ không có hợp đồng chiếm 96.95%, tiêu thụ một cách tự phát, hình thức tiêu thụ có hợp đồng chỉ chiếm 3.05% gặp chủ yếu ở trang trại trồng trọt.

c. Mức độ tham gia các liên kết kinh tế: Các chủ trang trại liên kết trong tiêu thụ sản phẩm ở tỉnh còn rất yếu. Đến nay, các chủ

trang trại chỉ trao đổi thông tin về giá cả thị trường để mua nguyên liệu đầu vào và bán sản phẩm, hầu hết các chủ trang trại chưa có hợp đồng với các cơ sở chế biến tiêu thụ sản phẩm.

d. Khả năng tạo ra thu nhập:

Về cơ cấu nguồn thu từ sản xuất kinh doanh các trang trại cho thấy nguồn thu từ sản xuất kinh doanh nông nghiệp chiếm tỷ trọng 48.49 % trong tổng thu. Trong đó, các trang trại có tỷ trọng chi phí cao là trang trại chăn nuôi 54.9%, trang trại nuôi trồng thủy sản 52.8%, trang trại trồng trọt 43.39%.

2.2.5. Kết quả và hiệu quả sản xuất của mô hình kinh tế trang trại ở tỉnh Trà Vinh

Bảng 2.12. Kết quả sản xuất kinh doanh theo loại hình trang trại năm 2013

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	BQ chung	Trồng trọt	Chăn nuôi	NT thủy sản
I	GTSX(GO)	691.57	592.67	728.83	753.22
1	Từ nông nghiệp	335.34	271.56	363.61	370.86
	Từ trồng trọt	104.55	95.72	112.8	105.14
	Từ chăn nuôi	230.79	175.84	250.81	265.72
2	Từ thủy sản	309.59	281.54	315.72	331.5
3	Từ hoạt động khác	46.64	39.57	49.5	50.86
II	IC	327.97	257.18	328.7	398.04
III	VA	363.60	335.49	400.13	355.18
IV	MI	329.57	319.88	356.21	312.62

(Nguồn: tổng hợp, tính toán từ số liệu điều tra)

Giá trị sản xuất bình quân trang trại xét theo loại hình trang trại thì trang trại có giá trị cao nhất đó là trang trại chăn nuôi và nuôi thủy sản rồi đến trang trại trồng trọt.

Bảng 2.13 Hiệu quả sản xuất kinh doanh theo loại hình trang trại năm 2013

Chi tiêu	ĐVT	Bình quân	Trồng trọt	Chăn nuôi	NT thủy sản
IC/GO	%	47.11	43.39	45.10	52.85
VA/GO	%	52.89	56.61	54.90	47.15
MI/GO	%	48.12	53.97	48.87	41.50
Theo vốn đầu tư		-			
Mi/1 đồng vốn	lần	0.37	0.32	0.36	0.45
MI/IC	lần	1.04	1.24	1.08	0.79
Theo lao động		-			
Mi/LĐTX	Tr.đ	57.29	51.25	58.63	61.98
MI/1LĐGGĐ	Tr.đ	92.54	94.73	81.33	101.57

(Nguồn: tổng hợp, tính toán từ số liệu điều tra)

CHƯƠNG 3

NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

3.1. CƠ SỞ TIỀN ĐỀ CHO VIỆC ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1 Đánh giá điểm mạnh điểm yếu thời cơ, thách thức đối với việc phát triển kinh tế trang trại ở Trà Vinh trong tương lai

a. Điểm mạnh: Tỉnh Trà Vinh có 873.84 ha đất chưa sử dụng và có khí hậu thích hợp, nguồn lao động ở nông thôn còn rất dồi dào. Các ngành công nghiệp chế biến ở địa phương ngày càng phát triển.

b. Điểm yếu: Trình độ dân trí và mật độ dân số không đồng đều, người nông dân đa số nghèo, thiếu vốn đầu tư mở rộng sản xuất. Trình độ quản lý, sản xuất của chủ trang trại chủ yếu dựa vào kinh nghiệm; trình độ chuyên môn lao động thấp, cơ sở hạ tầng giao thông còn thấp kém. Ruộng đất ở địa phương bị chia nhỏ, manh mún và việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; sự liên kết giữa các chủ thể trong sản xuất nông nghiệp còn yếu.

c. Thời cơ: Cơ cấu kinh tế của Tỉnh có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, thị trường nông nghiệp ngày càng phát triển đa dạng. Nhiều công trình giao thông đang được xây dựng và sẽ đưa vào sử dụng. Nhà nước từ Trung ương đến địa phương có nhiều chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

Khoa học công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát nhất là công nghệ sinh học triển nhanh chóng đã tạo ra nhiều giống mới có năng suất cao.

d. Thách thức: Áp lực cạnh tranh mạnh mẽ từ qua trình Hội nhập kinh tế quốc tế, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn

hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Tình hình diễn biến của thời tiết bất thường, thị trường nông sản phức tạp, không ổn định, giá cả biến.

3.1.2 Quan điểm và định hướng phát triển KTTT tỉnh Trà Vinh

a. Quan điểm phát triển: Phát triển kinh tế trang trại phải gắn với phát triển công nghiệp chế biến và hệ thống tiêu thụ. Phát triển kinh tế trang trại phải gắn với việc khai thác và sử dụng hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của các địa phương. Phát triển kinh tế trang trại phải gắn với mục tiêu bền vững

b. Định hướng phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

- + Đối với loại hình trang trại trồng trọt
- + Đối với loại hình trang trại nuôi trồng thủy sản
- + Đối với loại hình trang trại chăn nuôi

3.2. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KTTT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

3.2.1. Gia tăng số lượng và quy mô hoạt động của trang trại

a. Giải pháp về đất đai

- Hoàn thiện việc quy hoạch sử dụng đất từng vùng. Khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ, rời rạc đất đai để làm tiền đề tích lũy đất mở rộng quy mô và từng bước ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất trong trang trại.

- Hình thành thị trường ruộng đất tại nông thôn:
- Tổ chức các trung tâm giao dịch ruộng đất
- Với quy mô diện tích hiện có, chủ trang trại tăng cường thêm số lượng, hoặc luân canh nhiều vụ trong một năm.

b. Giải pháp về vốn: Hỗ trợ tài chính để phát triển KTTT chủ yếu là thông qua các chương trình cho vay vốn ưu đãi. Cần tạo điều

kiện, tạo môi trường thuận lợi để nông dân, chủ trang trại có thể tiếp cận được với các nguồn vốn đầu tư một cách hiệu quả và công bằng. Các chủ trang trại có vốn vay cá nhân, hoặc vay mượn từ mối quan hệ thân thiết như anh em, họ hàng trong gia đình. Nhà nước cần tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho vay trung và dài hạn với mức lớn hơn thì mới đáp ứng được nhu cầu về vốn cho phát triển kinh tế trang trại.

c. Giải pháp về lao động: Cần có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng đào tạo, tập huấn chuyên đề hàng năm cho các chủ trang trại. Tăng nhanh đội ngũ lao động trẻ được đào tạo có tay nghề cao ở nông thôn sẵn sàng tham gia làm việc

Quy định mức tiền lương tối thiểu cho khu vực kinh tế nông nghiệp. cho phù hợp với đặc điểm đặc thù của lao động ngành nghề này.

3.2.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các trang trại

Để nâng cao chất lượng hoạt động của các trang trại, các giải pháp cần tập trung giải quyết đồng bộ cả 4 vấn đề cơ bản là: sản xuất – thu hoạch – bảo quản sau thu hoạch – tiêu thụ, cụ thể như sau:

a. Khâu sản xuất

b. Khâu thu hoạch

c. Khâu bảo quản sau thu hoạch

d. Khâu tiêu thụ sản phẩm

3.2.3. Các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu trang trại sang hướng hiện đại

a. Tăng cường đầu tư vào khoa học kỹ thuật: Tạo điều kiện và ủng hộ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học; nhập khẩu công nghệ mới; tiếp nhận và ứng dụng để sản xuất, lai tạo giống mới và sản xuất giống chất lượng cao. Cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sau thu hoạch để nâng cao chất

lượng nông sản hàng hoá và sản xuất trong các trang trại. Tăng cường nguồn lực, ngoài nguồn ngân sách Nhà nước có thể hình thành quỹ chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ có sự tham gia của các chủ trang trại.

b. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở chế biến gắn với sản xuất nông nghiệp của từng địa phương: Khuyến khích đầu tư vào các ngành chế biến nông sản sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ. Tại các khu vực sản xuất tập trung, khuyến khích các trang trại chung vốn để thành lập các xí nghiệp chế biến nông sản dưới dạng công ty cổ phần. Tại các trang trại vừa và nhỏ khuyến khích các chủ trang trại tự đầu tư trang bị thiết bị chế biến nông sản phù hợp với quy mô sản xuất.

c. Mở rộng thị trường tiêu thụ tại chỗ: Khuyến khích người dân sử dụng nông sản tại chỗ hoặc sản xuất trong nước thay cho hàng nhập khẩu. Tăng cường hỗ trợ lãi suất đầu tư, lãi suất thu mua cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nông sản trong khuôn khổ quy định của WTO. Thực hiện chính sách miễn thuế nông nghiệp, miễn thủy lợi phí lâu dài cho nông dân để tăng sức mua và nâng cao tích lũy cho nông dân.

d. Khuyến khích hình thành các trang trại liên kết

- Hình thành các trang trại liên kết “nông dân – nông dân”.
- Hình thành các trang trại liên kết “trang trại – nông dân”.
- Một hình thức liên kết khác, đó là 01 trang trại có uy tín tiến hành ký hợp đồng cam kết với các hộ nông dân

3.2.4. Các giải pháp khác

a. Giải pháp về cơ sở hạ tầng

b. Giải pháp về công tác khuyến nông

c. Giải pháp về việc chia sẻ rủi ro và hợp tác giữa các trang trại

d. Giải pháp Quản lý nhà nước về hoạch định chính sách

e. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông hộ - một giải pháp để phát triển kinh tế trang trại trong thời gian tới

f. Nâng cao chất lượng nguồn lao động ở nông thôn

g. Nâng cao chất lượng trong khâu chế biến nông sản

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

- Đối với các bộ ngành Trung ương cần có chính sách vay vốn đối với các chủ trang trại thông thoáng và đơn giản hơn. Sớm có chủ trương và chỉ đạo các địa phương tiến hành nhanh việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Cần bổ sung tiêu chí về trang trại cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Nên phân loại trang trại theo quy mô giá trị sản phẩm trang trại có quy mô nhỏ, quy mô vừa, quy mô lớn.

- Thường xuyên đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng cho chủ trang trại và người lao động về kỹ thuật, kiến thức quản lý và kỹ năng chuyên môn. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ tín dụng, cơ sở hạ tầng, quảng bá sản phẩm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật... cho các chủ trang trại. Xây dựng mô hình thí điểm phát triển trang trại và nhân rộng phát triển thị trường bảo hiểm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại.

- Xúc tiến và hỗ trợ thành lập các liên minh, câu lạc bộ trang trại để hỗ trợ nhau về những vấn đề quan trọng sản xuất, nhất là khâu tiếp cận thị trường giúp trang trại phát triển sản xuất hiệu quả hơn.

- Chính quyền địa phương khi nghiên cứu, hoạch định các chính sách phát triển KTTT cần phải gắn với phát triển bền vững, nghĩa là phải gắn với việc giải quyết các vấn đề như chống đói nghèo; sử dụng đất bền lâu; bảo vệ và phát triển vốn rừng; gắn với cuộc chiến chống sa mạc hóa và hạn hán...

KẾT LUẬN

KTTT là một loại hình tổ chức sản xuất hàng hoá thông dụng trong nền sản xuất nông nghiệp của các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Ở Việt Nam, trong những năm qua, KTTT đã không ngừng phát triển cả về số lượng, chất lượng lẫn quy mô đóng góp cho nền kinh tế. Đối với tỉnh Trà Vinh, KTTT trên địa bàn phát triển tốt, cơ cấu sản xuất của các trang trại có bước chuyển biến tích cực theo hướng hiện đại; KTTT đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương trong tỉnh. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu trong luận án đã cho thấy, KTTT tỉnh Trà Vinh vẫn còn kém phát triển cả về quy mô lẫn hiệu quả và vị thế trong nền sản xuất nông nghiệp. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do: điều kiện tự nhiên của vùng khó khăn, thị trường nông sản chưa phát triển, sự hỗ trợ từ khu vực Nhà nước chưa thật sự hiệu quả, nguồn lực trong dân còn thấp kém, công nghiệp chế biến chưa phát triển và đặc biệt là nội lực của các trang trại trong vùng còn nhiều hạn chế.

Tuy nhiên, để trang trại thực sự phát huy hiệu quả, tác động tích cực đến việc thúc đẩy sản xuất hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, làm tiên phong trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp- nông thôn cần phải có quan điểm và chính sách thích hợp. Chính phủ cần có những chính sách đồng bộ để tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế nông hộ phát triển theo mô hình kinh tế trang trại, tạo điều kiện cho trang trại phát huy tiềm năng, nguồn lực sẵn có. Nhà nước cần tiếp sức cho kinh tế này những chính sách thông thoáng, phù hợp về vốn, đầu tư, thị trường...KTTT sẽ là những giải pháp thiết thực, là nguồn lực để ngành KTTT nước ta nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng sẽ phát triển bền vững trong thời gian tới.